

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29/4/2022

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Cao Lâm và ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Long Hồng Q., sinh năm 1969

Địa chỉ: TDP B, thị trấn S, huyện S., tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T., sinh năm 1970

Địa chỉ: TDP B, thị trấn S, huyện S., tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. kết hôn với nhau vào năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T.. (nay là thị trấn S), huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 do nợ nần nhiều bà T. đã bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 02/2022 ông Q. có đơn khởi

kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị T..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Long Hồng Q. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T. làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều phải bán nhà để trả nợ. Đến 2018 bà T. đã tự ý bỏ đi làm ăn ở miền Nam và từ đó không có thông tin gì về cho ông, ông không biết bà T. làm gì, ở đâu, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Do vậy, ông, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị T..

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là anh Long Đình Th, sinh ngày 05/8/1998. Anh Thành đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai chung: Ông Long Hồng Q. xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kết quả xác minh thể hiện: Bà Đỗ Thị T. có hộ khẩu thường trú tại TDP B, thị trấn S, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Bà Đỗ Thị T. và ông Long Hồng Q. kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T.. (nay là thị trấn S), huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn ông bà sinh sống tại TDP B, thị trấn S, huyện S. đến năm 2018 bà T. bỏ đi làm ăn trong miền Nam từ đó đến nay không về, vợ chồng sống ly thân từ đó. Khi đi làm bà T. không báo chính quyền địa phương, không khai báo tạm trú tạm vắng nên không xác định được địa chỉ của bà T., hiện tại bà T. không có mặt ở địa phương.

Bà Đỗ Thị T. hiện đi làm ăn ở xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được bà T. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. kết hôn vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T.. (nay là thị trấn S), huyện S. là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho ông Long Hồng Q. được ly hôn với bà Đỗ Thị T.; về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên

không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ông Long Hồng Q. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị T.; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn bà Đỗ Thị T. có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Bắc Lũng, thị trấn S, huyện S., tỉnh Tuyên Quang, hiện bà T. đi làm ở xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T. nhưng bà T. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Long Hồng Q. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà Đỗ Thị T. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T.. (nay là thị trấn S), huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào năm 1994 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, hiện tại bà T. không có mặt ở địa phương. Tháng 02/2022 ông Q. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đỗ Thị T..

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân nên xác định hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho ông Long Hồng Q. được ly hôn với bà Đỗ Thị T..

- Về con chung: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. có 01 con chung là anh Long Đình Th, sinh ngày 05/8/1998. Anh Th. đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Ông Long Hồng Q. và bà Đỗ Thị T. không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Long Hồng Q. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Long Hồng Q. được ly hôn với bà Đỗ Thị T..
2. Về án phí: Ông Long Hồng Q. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Ông Long Hồng Q. đã nộp đủ án phí của vụ án.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến